**Đề cương báo cáo tổng kết**

**05 năm thực hiện Chương trình phối hợp số 2727/CTPH-BTP-HLGVN**

**ngày 25/7/2018 giữa Bộ Tư pháp và Hội Luật gia Việt Nam về thực hiện công tác giữa Bộ Tư pháp và Hội Luật gia Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023**

 *(kèm theo Công văn số 1563/BTP-PBGDPL ngày 20/4/2023 của Bộ Tư pháp)*

**I. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình**

**1. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện**

1.1. Việc ký kết Chương trình/Kế hoạch phối hợp giữa ngành Tư pháp và Hội Luật gia ở địa phương (số lượng các đơn vị đã thực hiện việc ký kết chương trình phối hợp; việc ký kết được thực hiện hàng năm hay theo giai đoạn...).

1.2. Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của Chương trình trong ngành Tư pháp và các cấp Hội; hoạt động kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình giữa hai ngành.

**2. Kết quả thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Phần II.1 của Chương trình phối hợp số 2727/CTPH-BTP-HLGVN ngày 25/7/2018**

2.1. Công tác xây dựng pháp luật.

2.2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

2.3. Công tác tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý.

2.4. Công tác nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực và hợp tác quốc tế.

**3. Các hoạt động, mô hình hiệu quả trong thực hiện lồng ghép, hỗ trợ phát huy vai trò, huy động đội ngũ hội viên Hội Luật gia Việt Nam tham gia vào các nội dung phối hợp nêu trên (Tập trung phân tích, đánh giá những mô hình, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn và nội dung PBGDPL cụ thể).**

**4. Kinh phí bố trí để thực hiện hoạt động phối hợp (nêu rõ kinh phí được bố trí riêng hoặc lồng ghép trong thực hiện các hoạt động cụ thể, các nguồn kinh phí huy động khác); hoạt động lồng ghép hiệu quả nội dung Chương trình phối hợp vào các chương trình, kế hoạch, đề án đang triển khai có liên quan để tăng nguồn lực hỗ trợ hoạt động xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở.**

**5. Công tác khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phối hợp giữa hai ngành.**

**II. Đánh giá việc thực hiện Chương trình**

**1. Về hiệu quả:**

Đánh giá những chuyển biến trong việc phát huy sự tham gia của thành viên Hội Luật gia vào các lĩnh vực thuộc phạm vi của Chương trình (sự thay đổi trong nhận thức; mức độ, hiệu quả tham gia và những đóng góp cụ thể).

**2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp**

**3. Bài học kinh nghiệm từ thực tế triển khai thực hiện Chương trình phối hợp**

**III. Đề xuất, kiến nghị thực hiện các hoạt động phối hợp giữa hai ngành trong thời gian tới**

1. Những kiến nghị, đề xuất giải pháp về thể chế giúp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa hai ngành.

2. Đề xuất những nội dung phối hợp cụ thể giữa hai ngành trong giai đoạn tiếp theo và cơ chế bảo đảm thực hiện./.

**PHỤ LỤC**

**Tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình phối hợp số 2727/CTPH-BTP-HLGVN ngày 25/7/2018 giữa Bộ Tư pháp và**

**Hội Luật gia Việt Nam về thực hiện công tác giữa Bộ Tư pháp và Hội Luật gia Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023**

 *(kèm theo Công văn số 1563/BTP-PBGDPL ngày 20/4/2023 của Bộ Tư pháp)*

1. **Kết quả hướng dẫn chỉ đạo thực hiện chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Việc ký kết Chương trình phối hợp riêng****(có/không)** | **Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn***(Nêu rõ tên loại văn bản, số, ký hiệu và trích yếu; số lượng)* | **Hình thức phổ biến, quán triệt, kiểm tra việc thực hiện Chương trình** |
|  |  |  |  |  |

**2. Kết quả thực hiện chương trình (Bảng 1)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Công tác xây dựng pháp luật** | **Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở** |
| Số lượng dự thảo văn bản pháp luật có sự tham gia xây dựng của đại diện Hội Luật gia Việt Nam | Số lượng văn bản được Hội Luật gia rà soát, phát hiện các vướng mắc | Số lượng hội viên Hội Luật gia làm báo cáo viên pháp luật | Số lượng hội viên Hội Luật gia làm tuyên truyền pháp luật | Số lượng hội viên Hội Luật gia làm hòa giải viên ở cơ sở | Kinh phí xã hội hóa cho công tác PBGDPL | Có đại diện Hội Luật gia tham gia Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh/huyện hay không(có/không) | Số lượng tài liệu PBGDPL được chia sẻ giữa hai ngành | Phối hợp tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật *(Nêu rõ hoạt động* | Phối hợp tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo, tọa đàm tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, hội viên Hội Luật gia*(Số lượng cụ thể)* |
| **2018** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2019** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2020** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2021** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2022** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Kết quả thực hiện chương trình (Bảng 2)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm** | **Công tác tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý** |
| Số lượng hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý có sự tham gia của đội ngũ hội viên Hội Luật gia | Hoạt động tư vấn pháp luật có sự liên kết giữa các Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia với các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước |
| **2018** |  |  |
| **2019** |  |  |
| **2020** |  |  |
| **2021** |  |  |
| **2022** |  |  |

**4. Thống kê mô hình/biện pháp phát huy vai trò tham gia của thành viên Hội Luật gia (Nếu có)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên mô hình/biện pháp** | **Mô tả khái quát cách thức thực hiện** | **Lĩnh vực, nội dung áp dụng** | **Kinh phí duy trì (nếu có)** | **Khó khăn vướng mắc trong thực hiện (nếu có)** |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Kinh phí thực hiện Chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Từ ngân sách nhà nước** | **Từ các nguồn khác *(huy động, tài trợ trong nước và quốc tế)*** |
| **Bố trí riêng thực hiện** **Chương trình** | **Lồng ghép trong kinh phí thường xuyên triển khai các hoạt động** |
| **2018** |  |  |  |
| **2019** |  |  |  |
| **2020** |  |  |  |
| **2021** |  |  |  |
| **2022** |  |  |  |
| **2023** |  |  |  |